

Số: *14* /2019/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày *13* tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 của Quy định giá của các dịch vụ được chuyển từ phí sang cơ chế giá theo quy định của Luật phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT- BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT- BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 của Quy định giá của các dịch vụ được chuyển từ phí sang cơ chế giá theo quy định của Luật phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long ban hành kèm theo Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

1. Thay đổi cụm từ “điểm c khoản 4” thành cụm từ “điểm c khoản 3” tại điểm e khoản 3 Điều 3.

2. Sửa đổi điểm e thành điểm d tại khoản 3 Điều 3.

3. Bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 3 như sau:

đ) Giá dịch vụ trông giữ xe đối với phương tiện giao thông bị tạm giữ do vi phạm trật tự an toàn giao thông

- Đối tượng nộp: Người bị tạm giữ phương tiện do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông theo quy định.

- Đơn vị thu: Cơ quan tạm giữ phương tiện vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ.

- Mức thu (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng): mức thu trông giữ xe cả ngày và đêm áp dụng theo quy định tại Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

+ Đối với xe đạp: 3.000 đồng/xe/ngày đêm

+ Đối với xe đạp điện, xe máy điện: 6.000 đồng/xe/ngày đêm

+ Đối với xe máy: 9.000 đồng/xe/ngày đêm

+ Đối với xe ô tô dưới 30 ghế ngồi, xe có tải trọng dưới 10 tấn: 45.000 đồng/xe/ngày đêm

+ Đối với xe ô tô từ 30 ghế ngồi trở lên, xe có tải trọng từ 10 tấn trở lên: 60.000 đồng/xe/ngày đêm

- Thời gian tính thu là thời gian tạm giữ phương tiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Số thu được nộp ngân sách nhà nước sau khi trừ các khoản thuế theo quy định.

- Không thu tiền dịch vụ trông giữ xe đối với các trường hợp:

+ Phương tiện bị tạm giữ nhưng xác định người sử dụng phương tiện giao thông không có lỗi trong việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông. Nếu người sử dụng phương tiện đã nộp tiền dịch vụ thì đơn vị thu phải hoàn trả lại tiền dịch vụ đã thu.

+ Phương tiện bị tạm giữ có quyết định tịch thu.

+ Phương tiện bị tạm giữ được chuyển sang cơ quan điều tra.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải, Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/8/2019. *T. Thu*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐ. VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng nghiên cứu;
- Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.6.14.02.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Trung